

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh NLQ2**

Bản án số: 06/2021/HS-ST  
Ngày 09 - 3 - 2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Hồng Đào và ông Trần Quốc Toàn;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 2 năm 2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2021, đối với Bị cáo:

Họ tên: HOÀNG VIỆT H, tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 12 tháng 01 năm 1992; tại huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu Tr 1, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 11/12 Dân tộc: Mường;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Hoàng Quang K, sinh năm 1970 và bà: Hoàng Thúy Th, sinh năm 1975;

Vợ: Hà Thị Thúy H, sinh năm 1994; Con: có 01 con sinh năm 2013.

Tiền án: Có 01 tiền án. Bản án số: 18/2019/HS-ST ngày 18/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ xử phạt Hoàng Việt H 12 (mười hai) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/4/2020 và án phí hình sự, dân sự ngày 04/6/2020, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: không;

Nhân thân (án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật): Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 23/11/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ (có mặt).

- *Người bào chữa cho Bị cáo:* Ông Bùi Đức D – Trợ giúp viên thuộc NLQ4 tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt).
- *Bị hại:*
  - + Anh Hoàng Thế Đ, sinh năm 1995 (có mặt);  
Địa chỉ: khu G, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
  - + Anh Đặng Văn Q, sinh năm 1991 (có mặt);  
Địa chỉ: khu Ngả hai, xã Thu Cúc, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
  - + Chị Hà Thị D, sinh năm 1975 (có mặt);  
Địa chỉ: khu Chiềng 2, xã Thu Cúc, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*
  - + Ông Lương Văn Thường, sinh năm 1972 (vắng mặt).  
Địa chỉ: khu 3, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái;
  - + Ông Chu Quang NLQ2, sinh năm 1958 (vắng mặt).  
Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái;
  - + Bà Dương Thị NLQ3, sinh năm 1969 (vắng mặt).  
Địa chỉ: Thôn T, xã Ngh, huyện V, tỉnh Yên Bái;
  - + Anh Đỗ Xuân NLQ4, sinh năm 1988 (vắng mặt).  
Địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

#### *a) Về hành vi phạm tội của Bị cáo:*

Do lười lao động, không có việc làm nên Hoàng Việt H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của những người quen biết để đem đi tiêu thụ, lấy tiền tiêu sài.

Thực hiện ý định trên, vào buổi sáng ngày 15/10/2020, H đi bộ từ nhà ở của mình đến nhà anh Hoàng Thế Đ mục đích hỏi mượn xe mô tô sau đó đem đi bán để lấy tiền. Gặp Đ, H hỏi mượn chiếc xe mô tô của Đ để đi mua đồ sau đó sẽ đem về trả. Do có quen biết với H nên Đ đồng ý cho H mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ - đen biển số 19D1 – 116.96 trong cốp xe có 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe đứng tên Hoàng Thế Đ. Sau khi mượn được xe, H điều khiển xe đi lên huyện V, tỉnh Yên Bái và đến nhà ông Lương Văn NLQ1 để bán xe cho ông NLT1. H nói với ông NLQ1, xe mô tô H mua lại của anh Hoàng Thế Đ người cùng xã và lấy Giấy chứng nhận đăng ký xe cho ông NLQ1 xem. Do tin tưởng H, nên ông NLQ1 đã đồng ý mua chiếc xe trên với số tiền 4.200.000đ. H đã tiêu sài hết số tiền trên.

Ngoài ra, điều tra theo lời khai nhận của H còn xác định được ngoài lần chiếm đoạt tài sản của anh Hoàng Thế Đ, H còn có 02 lần khác chiếm đoạt tài sản của người khác cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào buổi sáng ngày 26/10/2020, H đi bộ một mình từ nhà đến khu Ch, xã Th mục đích tìm xem có ai là người quen có xe mô tô để mượn rồi đem đi bán lấy tiền tiêu sài. Khi đến nhà bà Hà Thị D, H thấy tại sân nhà có để 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu xanh đen Biển số: 19H1-167.95, vẫn cắm chìa khóa tại ổ khóa. H đi vào đến sân nhà thì gặp chị Hà Thị H1 (là con gái của bà D), H hỏi mượn xem mô tô và nói dối chị H1 là đi công việc một lúc rồi về trả. Do biết H, nên chị H1 đồng ý cho H mượn chiếc xe mô tô trên của gia đình. Sau khi có được xe, H điều khiển xe đi lên huyện V, tỉnh Yên Bái đến nhà bà Dương Thị NLQ3 (bà NLQ3 là mẹ của Đặng Văn V là bạn của H). H nói với bà NLQ3, là đang cần tiền nên muốn vay của bà NLQ3 500.000đ và H sẽ để lại chiếc xe mô tô trên để làm tin đến buổi chiều cùng ngày sẽ đem tiền đến trả rồi lấy xe về. Do H là bạn của V, NLQ1 xuyên đến chơi nhà nên bà NLQ3 đã đồng ý cho H để lại chiếc xe mô tô và cho H vay số tiền 500.000đ. H đã tiêu sài hết số tiền trên và không quay lại trả tiền, và lấy xe mô tô như đã hẹn với bà NLQ3.

Lần thứ hai: Khoảng 14 giờ ngày 27/10/2020, Hoàng Việt H đi bộ một mình từ nhà đến khu N, xã Th mục đích tìm mượn xe mô tô rồi bán lấy tiền tiêu sài. Khi đi đến nhà anh chị Th – M, H thấy anh Đặng Văn Q đang làm thợ xây và có quen biết với H. H biết anh Q có xe mô tô nên nói dối anh Q là cho H mượn xe mô tô để đi công việc một lúc rồi về trả. Do có quen biết với H nên anh Q đã đồng ý cho H mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wawe màu trắng - vàng BKS: 19D1 – 039.01. Sau khi mượn được xe của Q, H điều khiển xe đi lên huyện V, tỉnh Yên Bái vào cửa hàng mua bán điện thoại cũ, mới của anh Đỗ Văn NLQ4. H nói với anh NLQ4 là do đang cần tiền nên muốn vay của anh NLQ4 số tiền 1.000.000đ, H để lại chiếc xe mô tô trên để làm tin, khoảng 2 đến 3 ngày sau sẽ đem tiền đến trả và lấy xe về. Do tin tưởng H, anh NLQ4 đã cho H vay 1.000.000đ và đồng ý cho H để lại chiếc xe mô tô. H đã tiêu sài cá nhân hết số tiền trên và không quay lại trả tiền và lấy xe mô tô như đã hẹn với anh NLQ4.

Trong quá trình điều tra, và tại phiên tòa ngày hôm nay Bị cáo đã khai nhận toàn bộ các hành vi chiếm đoạt tài sản của mình như đã nêu trên.

*b) Các vấn đề khác của vụ án:*

Ngày 23/11/2020, ngày 05/01/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện T có Yêu cầu định giá tài sản số: 02; số 04 và số 05 đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T xác định giá trị các xe mô tô gồm: 01 xe mô tô BKS 19D1-116.96 nhãn hiệu YAMAHA loại SIRIUS màu đỏ, đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM ELEGANT màu xanh, đen, BKS: 19H1 – 167.95; và 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu trắng, vàng BKS: 19D1 – 039.01.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 26/KL-ĐGTS ngày 23/11/2020; số 02/KL-ĐGTS ngày 12/01/2021 và số: 01/KL-ĐGTS ngày 12/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện T xác định: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA

SIRIUS, biển kiểm soát 19D1-116.96 đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu ngày 23/12/2015 có giá trị: 12.500.000đ; Chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM ELEGANT màu xanh, đen, BKS: 19H1 – 167.95, đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu ngày 18/4/2017 có giá trị: 8.500.000đ; Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu trắng, vàng BKS: 19D1 – 039.01, đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu ngày 03/10/2012 có giá trị: 7.500.000đ.

Tổng giá trị tài sản Hoàng Việt H đã chiếm đoạt của các Bị hại là: 28.500.000đ.

Ngày 23/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã có Quyết định khởi tố vụ án hình sự số: 02 và Quyết định Khởi tố Bị can số: 02 đối với Hoàng Việt H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (nay viết tắt là BLHS năm 2015);

*Về phần dân sự:*

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã thu giữ được tài sản mà H đã chiếm đoạt của các Bị hại và đã xác định được như sau: Chiếc xe mô tô BKS 19D1-116.96 nhãn hiệu YAMAHA loại SIRIUS màu đỏ, đen là của Hoàng Thế Đ; chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM ELEGANT màu xanh, đen, BKS: 19H1 – 167.95 là của Hà Thị D; và chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu trắng, vàng BKS: 19D1 – 039.01 của Đặng Văn Q. Ngày 22/12/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho anh Đ, bà D và anh Q, nay các Bị hại không có yêu cầu gì về trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Đối với ông NLQ1, là người đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại SIRIUS màu đỏ, đen BKS 19D1-116.96 của H. Do ông NLQ1 tin tưởng H và không biết tài sản trên là do H chiếm đoạt của người khác mà có nên Cơ quan CSĐT không đề nghị xử lý đối với NLQ1. Nay, ông NLQ1 yêu cầu H phải hoàn trả số tiền 4.200.000đ mà H đã bán xe mô tô cho ông.

Đối với bà Dương Thị NLQ3, đã cho H vay 500.000đ và để chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM ELEGANT màu xanh đen BKS: 19H1 – 167.95 làm tin. Bà NLQ3 đã tự nguyện giao nộp chiếc xe cho cơ quan điều tra. Do bà NLQ3 không biết tài sản trên do H chiếm đoạt của người khác mà có nên Cơ quan CSĐT không đề nghị xử lý. Bà NLQ3 không yêu cầu H phải trả lại số tiền 500.000đ đã cho H vay.

Đối với anh Đỗ Xuân NLQ4, đã cho H vay 1.000.000đ và để chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu trắng vàng BKS: 19D1 – 039.01 làm tin. Anh NLQ4 đã tự nguyện giao nộp chiếc xe cho cơ quan điều tra. Do anh NLQ4 không biết tài sản trên do H chiếm đoạt của người khác mà có nên Cơ quan CSĐT không đề nghị xử lý. Anh NLQ4 không yêu cầu H phải trả lại số tiền 1.000.000đ đã cho H vay.

Đối với ông Đỗ Quang NLQ2, là người đã mua lại từ anh Lương Văn NLQ1 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại SIRIUS màu đỏ, đen BKS 19D1-116.96 với số tiền 6.300.000đ. Ông NLQ2 đã giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan CSĐT. Ông NLQ2 không có yêu cầu gì đối với anh NLQ1 về số tiền đã mua xe mô tô của NLQ1.

*c) Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:*

Tại Bản cáo trạng số: 04/CT – VKS - TS ngày 05/02/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã truy tố Bị cáo Hoàng Việt H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 174; Điểm r, s Khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của BLHS năm 2015;

- Xử phạt Bị cáo Hoàng Việt H từ 27 đến 33 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 23/11/2020).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo H.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 2015 và khoản 2 Điều 579, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo H phải hoàn trả cho ông Lương Văn NLQ1 số tiền 4.200.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông NLQ1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Bị cáo H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 2 điều 26 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban NLQ1 vụ Quốc Hội.

Buộc Bị cáo Hoàng Việt H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự. Tổng cộng. Bị cáo H phải nộp 500.000đ (bảy trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm.

*d, Phát biểu của Người bào chữa cho Bị cáo:* Nhất trí với Bản cáo trạng truy tố Bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt Bị cáo hình phạt ở mức thấp theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Bị cáo có trách nhiệm hoàn trả cho ông NLQ1 số tiền 4.200.000đ.

*đ, Bị cáo nói lời sau cùng:* Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt, cho Bị cáo mức án thấp nhất.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa hôm nay Bị cáo Hoàng Việt H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản Cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung Cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai.

Lời khai nhận của Bị cáo thống nhất, phù hợp với lời khai của Bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 15/10/2020 đến ngày 27/10/2020, tại xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ, do không có tiền tiêu sai nên Hoàng Việt H đã 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 15/10/2020, Hoàng Việt H lừa đảo và chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô BKS 19D1-116.96 nhãn hiệu YAMAHA loại SIRIUS màu đỏ, đen trị giá 12.500.000đ của anh Hoàng Thế Đ.

Lần thứ hai: Ngày 26/10/2020, Hoàng Việt H lừa đảo và chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM ELEGANT màu xanh, đen, BKS: 19H1 – 167.95 trị giá 8.500.000đ của Hà Thị D.

Lần thứ ba: Ngày 27/10/2020, Hoàng Việt H lừa đảo và chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAWE màu trắng, vàng BKS: 19D1 – 039.01 trị giá 7.500.000đ của Đặng Văn Q.

Tổng cộng, giá trị tài sản mà Hoàng Việt H đã chiếm đoạt của các Bị hại theo kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng huyện T là 28.500.000đ.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, Bị cáo đã thành niên, có đầy đủ khả năng nhận thức và làm chủ hành vi. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác nhưng vì mục đích vụ lợi nên vẫn cố ý thực hiện.

Hành vi của Bị cáo Hoàng Việt H đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS năm 2015.

Khoản 1 Điều 174 quy định như sau:

*“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:”*

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

- *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:* Hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó, hành vi phạm tội của Bị cáo cần phải được xử lý thật nghiêm minh trước pháp luật, như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Năm 2019, Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Ngày 08/4/2020, Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, trong thời gian chưa được xóa án tích Bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên lần phạm tội này là “Tái phạm”. Đồng thời, trong vụ án này, Bị cáo có 03 lần thực hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, Bị cáo phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Quá trình điều tra, Bị cáo đã tự nguyện khai báo về việc Bị cáo đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Hà Thị D và của anh Đặng Văn Q với Cơ quan điều tra trước khi bị phát hiện. Do đó, cần cho Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm r, s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015;

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Giá trị tài sản mà Bị cáo chiếm đoạt ở mức cao theo khung hình phạt. Nên cần xử Bị cáo hình phạt tù có thời hạn trên mức khởi điểm của khung hình phạt mà điều luật quy định và ở mức thấp theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 174 của BLHS năm 2015 thì *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”*. Theo kết quả xác minh của cơ quan CSĐT Công an huyện T thì Bị cáo ở chung với bố mẹ, không có tài sản riêng gì có giá trị. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cáo Bị cáo là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã thu giữ được tài sản mà Bị cáo đã chiếm đoạt của các Bị hại và xác định được chiếc xe mô tô BKS 19D1-116.96 nhãn hiệu YAMAHA loại SIRIUS màu đỏ, đen là của Hoàng Thế Đ; chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM ELEGANT màu xanh, đen, BKS: 19H1 – 167.95 là của Hà Thị D; và 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAWE màu trắng, vàng BKS: 19D1 – 039.01 của Đặng Văn Q. Ngày 22/12/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho anh Đ, bà D và anh Q. Nay các Bị hại không có yêu cầu gì về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, nên HĐXX không xem xét.

Đối với ông Lương Văn NLQ1, là người đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại SIRIUS màu đỏ, đen BKS 19D1-116.96. Do tin tưởng Bị cáo và không biết tài sản trên là do Bị cáo chiếm đoạt của người khác mà có nên không đề nghị xử lý đối với ông NLQ1. Nay, ông NLQ1 yêu cầu Bị cáo phải hoàn trả số tiền 4.200.000đ mà Bị cáo đã bán xe cho ông. Xét thấy, Bị cáo đã được lợi về tài sản là số tiền 4.200.000đ không có căn cứ pháp luật làm cho ông NLQ1 bị thiệt hại. Vì vậy, cần buộc Bị cáo phải hoàn trả cho ông NLQ1 số tiền 4.200.000đ là phù hợp với khoản 2 Điều 579 của Bộ luật Dân sự.

Đối với bà Dương Thị NLQ3, đã cho H vay 500.000đ và để chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM ELEGANT màu xanh đen BKS: 19H1 – 167.95 làm tin. Bà NLQ3 đã tự nguyện giao nộp chiếc xe cho cơ quan điều tra và không biết tài sản trên do H chiếm đoạt của người khác mà có nên không đề nghị xử lý. Bà NLQ3 không yêu cầu H phải trả lại số tiền 500.000đ đã cho H vay, nên HĐXX không xem xét.

Đối với anh Đỗ Xuân NLQ4, đã cho H vay 1.000.000đ và để chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAWE màu trắng vàng BKS: 19D1 – 039.01 làm tin. Anh NLQ4 đã tự nguyện giao nộp chiếc xe cho cơ quan điều tra và không biết tài sản trên do H chiếm đoạt của người khác mà có nên không đề nghị xử lý. Anh NLQ4 không yêu cầu H phải trả lại số tiền 1.000.000đ đã cho H vay, nên HĐXX không xem xét.

Đối với ông Đỗ Quang NLQ2, là người đã mua lại từ ông Lương Văn NLQ1 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại SIRIUS màu đỏ, đen BKS 19D1-116.96 với số tiền 6.300.000đ. Ông NLQ2 không yêu cầu ông NLQ1 phải hoàn trả số tiền mà ông đã mua xe mô tô của ông NLQ1, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

Ngày 22/12/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại tài sản bị chiếm đoạt cho các Bị hại, cần xác nhận là phù hợp.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên và Người bào chữa tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Căn cứ kết tội, tội danh:**

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của BLHS năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Hoàng Việt H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

**2. Trách nhiệm hình sự, hình phạt:**

Xử phạt Bị cáo Hoàng Việt H 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 23/11/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo H.

**3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:** Áp dụng khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 2015 và khoản 2 Điều 579, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo H có trách nhiệm hoàn trả cho ông Lương Văn NLQ1 số tiền 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông NLQ1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Bị cáo H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

**4. Về xử lý vật chứng:** Xác nhận, ngày 22/12/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại các tài sản cho các chủ sở hữu sau: Trả cho anh Hoàng Thế Đ 01 chiếc xe mô tô BKS 19D1-116.96 nhãn hiệu YAMAHA loại SIRIUS màu đỏ, đen; trả lại cho bà Hà Thị D 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM ELEGANT màu xanh, đen, BKS: 19H1 – 167.95; và trả lại cho anh Đặng Văn Q 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu trắng, vàng BKS: 19D1 – 039.01. Theo các biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 22/12/2020 của cơ quan CSĐT Công an huyện T.

**5. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 2 điều 26 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc Bị cáo Hoàng Việt H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự. Tổng cộng. Bị cáo H phải nộp 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.
7. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- CQ CSĐT Công an huyện;
- CQ THA dân sự huyện;
- UBND nơi b/c thường trú;
- Trại tạm CA tỉnh Phú Thọ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

*(đã ký)*

**Nguyễn Thị Hồng Mai**

